TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2019
"V/v: Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Dũng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Bính;

2/ Bà Lê Thị Kiều Thu;

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Minh Khuê;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 237/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự.

***/ Nguyên đơn: Ông Lê Minh B**, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Khu phố 1, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

***/ Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Kim A,** sinh năm 1962;

Địa chỉ: Khu phố 5, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận

Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, vắng mặt bị đơn. (Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Minh B trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Minh B và bà Huỳnh Thị Kim A tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống vào năm 1998, đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, theo giấy chứng nhận kết hôn số 10/1998, ngày 19/02/1998. Trong quá trình chung sống ông và bà A không hợp nhau thường xuyên cãi vã, do bất đồng quan điểm sống. Hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm lẫn nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2004 đến nay. Nay ông B xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà A.

- Về con chung: Có một con chung là Lê Huỳnh Thị Tâm T, sinh ngày 01/7/1999 - đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên Tòa bị đơn bà Huỳnh Thị Kim A vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Bị đơn có nơi cư trú tại khu phố 5, phường Đ, thành phố P. Tòa án đã thông báo cho bà A biết việc ông B yêu cầu ly hôn với bà, tại biên bản ghi lời khai ngày 06/5/2019 bà Huỳnh Thị Kim A xác nhận trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông B thường đánh đập bà, vợ chồng thường xuyên gây gổ làm mất an trật tự địa phương công an nhiều lần nhắc nhở, trước đây bà và ông B nhiều lần làm đơn xin ly hôn nhưng chưa được giải quyết, sau đó bà đã bỏ nhà ra đi, sống ly thân từ năm 2004 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn. Về con chung, bà khai có một con chung là Lê Huỳnh Thị Tâm T, sinh ngày 01/7/1999 - đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung bà khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Bà làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận và đối đáp, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động, về tài sản chung và nợ chung ông B và bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền giải quyết vụ án, bị đơn bà Huỳnh Thị Kim A có nơi cư trú tại khu phố 5, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ theo quy định tại khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 điều 35 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh B về việc *"Tranh chấp ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P.

[2] - Nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho thấy: quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Minh B và bà Huỳnh Thị Kim A là hợp pháp vì ông bà chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 1998 tại UBND phường H, thành phố P, giấy chứng nhận kết hôn số 10/1998, ngày 18/02/1998. Trong quá trình chung sống giữa ông B và bà A phát sinh mâu thuẫn theo ông cho rằng do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường hay xảy ra bất hòa nhau, không hòa hợp với nhau trong cuộc sống vợ chồng. Ông bà đã sống ly thân nhau từ năm 2004 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay ông bà xác định tình cảm không còn yêu cầu được ly hôn. Việc yêu cầu xin ly hôn của ông B là có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên toà hôm nay vắng mặt bà A, bà có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà A theo khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt bà A là phù hợp, đảm bảo quyền chính đáng, hợp pháp cho ông B và bà A.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Lê Minh B và bà Huỳnh Thị Kim A đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 10/1998, ngày 18/02/1998. Qua tự khai và phần trình bày của ông B tại phiên tòa HĐXX nhận thấy đời sống chung của vợ chồng ông B và bà A không được hạnh phúc, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn. ông B và bà A hiện đã sống ly thân từ năm 2004 đến nay, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay ông B và bà A xác định tình cảm không còn và yêu cầu được ly hôn.

Nhận thấy việc ông Lê Minh B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Huỳnh Thị Kim A là hoàn toàn chính đáng. Từ những nhận định trên yêu cầu xin ly hôn của ông B thỏa mãn điều kiện quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên yêu cầu xin ly hôn của ông B được chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 1 con chung Lê Huỳnh Thị Tâm T, sinh ngày 01/7/1999 đã trưởng thành và có khả năng lao động, ông B bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Ông Lê Minh B là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P phát biểu quan điểm vụ án: đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Lê Minh B được ly hôn bà Huỳnh Thị Kim A. Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là hợp lý nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ <u>Áp dụng</u>:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/ <u>Tuyên xử</u>:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh B.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Minh B được ly hôn bà Huỳnh Thị Kim A.

- Về con chung: Có 1 con chung: Lê Huỳnh Thị Tâm T, sinh ngày 01/7/1999 (đã trưởng thành)

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Ông Lê Minh B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0024398 ngày 18/04/2019 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P thu. Ông B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Quyền kháng cáo bản án của nguyên đơn ông Lê Minh B là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/5/2019). Quyền kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Kim A là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại địa phương.

<u>Nơi nhận:</u>
- Các đương sự;
- VKSND Tp.P;
- Chi cục THA dân sự TP.P;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
NGUYỄN NGỌC DŨNG